

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2016

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BAO GỒM: * *BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*
 * *BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*
 * *BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*
 * *THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Nam Cấm, ngày 15 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39,244,688,126	40,430,906,859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,107,441,493	5,325,857,012
1. Tiền	111		6,107,441,493	5,325,857,012
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22,519,019,231	23,988,231,856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22,817,841,925	23,435,410,352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	83,212,000	1,074,697,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	291,577,369	226,736,567
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(673,612,063)	(748,612,063)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9,953,411,759	10,314,388,732
1. Hàng tồn kho	141	V.6	9,953,411,759	10,314,388,732
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		664,815,643	802,429,259
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	614,171,504	282,298,541
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	520,004,425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	50,644,139	126,293
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52,291,475,532	49,830,905,376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		524,052,775	390,868,800
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		524,052,775	390,868,800
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40,050,246,229	40,465,325,775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	39,416,272,534	39,803,788,008
<i>Nguyên giá</i>	222		67,764,267,495	65,569,826,302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28,347,994,961)	(25,766,038,294)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	633,973,695	661,537,767
<i>Nguyên giá</i>	228		1,134,381,101	1,134,381,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(500,407,406)	(472,843,334)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	10,040,083,118	8,197,802,931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10,040,083,118	8,197,802,931
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,677,093,410	776,907,870
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1,677,093,410	776,907,870
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91,536,163,658	90,261,812,235

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		47,789,264,299	41,440,190,941
I. Nợ ngắn hạn	310		42,567,429,299	34,573,705,941
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	20,458,013,475	15,621,523,453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	147,683,250	99,421,100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	708,644,808	170,122,322
4. Phải trả người lao động	314		3,156,649,379	4,882,659,030
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	816,331,044	196,642,401
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4,312,048,045	65,031,280
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	12,577,391,230	13,508,927,235
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	390,668,068	29,379,120
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,221,835,000	6,866,485,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	5,221,835,000	6,866,485,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

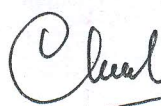
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43,746,899,359	48,821,621,294
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	43,746,899,359	48,821,621,294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28,500,000,000	28,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28,500,000,000	28,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,820,532,346	8,060,731,815
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6,426,367,013	12,260,889,479
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	12,260,889,479
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,426,367,013	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91,536,163,658	90,261,812,235

Người lập biểu



Luu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2016



Giám đốc

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	42,171,448,226	38,470,702,233	80,017,204,805	71,210,175,681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	-	0	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42,171,448,226	38,470,702,233	80,017,204,805	71,210,175,681
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	26,403,309,018	22,226,812,246	49,459,036,926	40,510,645,947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,768,139,208	16,243,889,987	30,558,167,879	30,699,529,734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5,664,886	25,175,708	71,521,832	50,164,718
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	246,732,706	281,844,367	537,217,136	659,111,518
Trong đó: chi phí lãi vay	23		235,075,843	143,395,241	523,121,743	294,839,012
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	10,585,521,248	11,960,177,228	19,836,810,647	23,063,947,680
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	1,691,797,734	1,992,657,614	3,437,755,170	3,328,098,108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,249,752,406	2,034,386,486	6,817,906,758	3,698,537,146
11. Thu nhập khác	31	VI.8	22,933,274	15,000,000	22,933,274	15,000,000
12. Chi phí khác	32	VI.9	18,974,413	230,130	65,265,970	4,730,585
13. Lợi nhuận khác	40		3,958,861	14,769,870	(42,332,696)	10,269,415
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,253,711,267	2,049,156,356	6,775,574,062	3,708,806,561


15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.13	167,029,815	115,878,193	349,207,049	200,776,155
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,086,681,452	1,933,278,163	6,426,367,013	3,508,030,406
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	948	584	1,977	1,055
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		948	584	1,977	1,055

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 13 tháng 07 năm 2016
Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		86,838,278,000	72,816,414,629
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(56,297,829,886)	(53,031,971,152)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13,766,956,669)	(10,260,124,216)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(537,822,365)	(286,661,517)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(322,661,996)	(173,465,703)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		290,796,523	2,488,617,524
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5,732,146,105)	(5,506,778,709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		10,471,657,502	6,046,030,856
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1,480,458,420)	(4,953,568,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,399,312	9,538,826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,475,059,108)	(4,944,029,174)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15,311,421,750	20,747,362,630
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17,839,100,265)	(16,477,106,538)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,687,202,500)	(4,402,174,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(8,214,881,015)	(131,917,908)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	781,717,379	970,083,774
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 5,325,857,012	7,146,535,931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(132,898)	244,694
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1 <u>6,107,441,493</u>	<u>8,116,864,399</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 13 tháng 07 năm 2016

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, mua bán bột đá siêu mịn và dịch vụ vận chuyển.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến, mua bán, bán lẻ sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại.
- Khai thác đá, cát, sỏi đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 102 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 107 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Tài sản cố định khác	6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	64.417.748	89.912.947
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.043.023.745	5.235.944.065
Cộng	<u>6.107.441.493</u>	<u>5.325.857.012</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	22.817.841.925	23.435.410.352
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	7.353.830.400	7.848.880.000
Công ty Cổ Phần Nhựa Châu Âu	2.783.199.600	5.246.544.204
Công ty Cổ Phần Thương mại Hóa Chất Minh Khang	2.057.757.000	1.632.647.000
Các khách hàng khác	10.623.054.925	8.707.339.148
Cộng	<u>22.817.841.925</u>	<u>23.435.410.352</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	83.212.000	1.074.697.000
Công ty TNHH Công nghệ mới Nguyễn Vinh	-	345.697.000
Các nhà cung cấp khác	83.212.000	729.000.000
Cộng	83.212.000	1.074.697.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	291.577.369	-	226.736.567	-
Tạm ứng cho CBCNV	128.452.899	-	97.377.196	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	163.124.470	-	129.359.371	-
Cộng	291.577.369	-	226.736.567	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		739.824.125	66.212.063	889.824.125	141.212.063
Công ty TNHH Hóa Chất DSH	Từ 02 đến 03 năm	607.400.000	-	Từ 01 đến 02 năm	607.400.000
Công ty TNHH Thuận Lợi	Từ 01 đến 02 năm	132.424.125	66.212.063	Từ 01 đến 02 năm	282.424.125
Cộng		739.824.125	66.212.063	889.824.125	141.212.063

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	748.612.063	-	748.612.063
Số DP hoàn nhập	(75.000.000)	-	(75.000.000)
Số cuối kỳ	673.612.063	-	673.612.063

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.477.656.293	-	7.458.209.304	-
Công cụ, dụng cụ	133.837.229	-	112.044.441	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	105.745.584	-
Thành phẩm	2.067.585.888	-	2.429.785.989	-
Hàng hóa	274.332.349	-	208.603.414	-
Cộng	9.953.411.759	-	10.314.388.732	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	98.551.679	29.508.000
Công cụ dụng cụ	297.966.256	104.581.301
Chi phí sửa chữa	8.148.462	8.677.841
Chi phí vận chuyển	36.929.091	41.578.181
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	172.576.016	97.953.218
Cộng	614.171.504	282.298.541

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.628.392.147	704.483.359
Chi phí sửa chữa	48.701.263	72.424.511
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	1.677.093.410	776.907.870

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.071.022.182	42.669.324.443	4.749.146.379	80.333.298	65.569.826.302
Mua trong kỳ	-	-	366.363.636	-	366.363.636
Đầu tư XDDB hoàn thành	641.139.946	1.352.208.735	-	-	1.993.348.681
Bán thanh lý	-	(165.271.124)	-	-	(165.271.124)
Số cuối kỳ	18.712.162.128	43.856.262.054	5.115.510.015	80.333.298	67.764.267.495
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	794.238.635	731.660.229	722.201.434	42.151.481	2.290.251.779
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.908.108.018	17.596.592.411	2.214.201.533	47.136.331	25.766.038.294
Khấu hao trong kỳ	619.697.324	1.701.829.430	261.395.763	4.772.730	2.587.695.247
Khấu hao giảm trong kỳ	-	(5.738.580)	-	-	(5.738.580)
Số cuối kỳ	6.527.805.342	19.292.683.261	2.475.597.296	51.909.062	28.347.994.961

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.162.914.164	25.072.732.032	2.534.944.846	33.196.967	39.803.788.009
Số cuối kỳ	12.184.356.786	24.563.578.793	2.639.912.719	28.424.237	39.416.272.534
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.657.118.824 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Số cuối kỳ	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	31.818.182	31.818.182
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	441.025.152	31.818.182	472.843.334
Khấu hao trong kỳ	27.564.072	-	27.564.072
Số cuối kỳ	468.589.224	31.818.182	500.407.406
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	661.537.767	-	661.537.767
Số cuối kỳ	633.973.695	-	633.973.695
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	8.197.802.931	3.835.628.868	1.993.348.681	10.040.083.118
<i>Kho chứa vật liệu</i>	187.973.118	15.000.000	-	202.973.118
<i>Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng</i>	1.963.024.545	-	-	1.963.024.545
<i>Dự án mỏ đá Châu Hồng</i>	3.106.930.364	1.276.246.000	-	4.383.176.364
<i>Chi phí mở đường, moong, vỉa, khai trường tại mỏ đá Châu Hồng</i>	2.000.000.000	1.490.909.091	-	3.490.909.091
<i>Nhà nghỉ giữa ca cho CNV</i>	-	77.082.616	77.082.616	-
<i>Bể lắng nước (phân xưởng 2)</i>	-	82.088.262	82.088.262	-
<i>Dự án mở rộng dây chuyền nghiền đá</i>	939.874.904	894.302.899	1.834.177.803	-
Cộng	8.197.802.931	3.835.628.868	1.993.348.681	10.040.083.118

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	20.458.013.475	15.621.523.453
Công ty Cổ phần Nhật Việt	3.363.646.849	3.469.150.849
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông á	6.339.538.587	3.069.768.588
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu tại Nghệ An	2.888.566.000	2.458.256.000
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	1.454.444.503	968.755.482
Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Trung Liên	225.407.879	724.856.500
Các nhà cung cấp khác	6.186.409.657	4.930.736.034
Cộng	20.458.013.475	15.621.523.453

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	147.683.250	99.421.100
Các khách hàng khác	147.683.250	99.421.100
Cộng	147.683.250	99.421.100

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	207.977.507	(110.774.054)	-	97.203.453
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất khẩu	126.293	-	1.357.734.671	(1.380.806.392)	23.198.014	-
Thuế nhập khẩu	-	-	27.446.125	(54.892.250)	27.446.125	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	140.484.762	349.207.049	(322.661.996)	-	167.029.815
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.668.000	344.097.727	(49.968.227)	-	297.797.500
Thuế tài nguyên	-	12.003.795	212.513.220	(192.330.855)	-	32.186.160
Tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
Phí môi trường	-	13.965.765	86.579.460	(87.432.345)	-	13.112.880
Tiền thuê đất	-	-	146.450.000	(45.135.000)	-	101.315.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.332.808.880	(1.332.808.880)	-	-
Cộng	126.293	170.122.322	4.064.814.639	(3.576.809.999)	50.644.139	708.644.808

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty bắt đầu hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu năm 2007, được áp dụng ưu đãi thuế theo thông tư 134/2007/TT-BTC hướng dẫn thi hành quyết định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Với hoạt động sản xuất, mua bán bột đá siêu mịn (hoạt động chính), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.775.574.062	3.708.806.561
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	208.566.921	83.062.899
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	209.080.538	93.892.269
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	144.057.603	41.072.230
<i>Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính</i>	65.022.935	52.820.039
- Các khoản điều chỉnh giảm	(513.617)	(10.829.370)
<i>Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền</i>	(513.617)	(10.829.370)
Thu nhập chịu thuế	6.984.140.983	3.791.869.460
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động.	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	698.414.098	387.080.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(349.207.049)	(186.304.449)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	349.207.049	200.776.155

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá hộc trắng với mức thuế suất 9%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	816.331.044	196.642.401
Chi phí lãi vay phải trả	72.574.849	87.672.910
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	604.600.000	64.698.182
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	139.156.195	44.271.309
Cộng	816.331.044	196.642.401

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.312.048.045	65.031.280
Kinh phí công đoàn	34.642.790	38.106.170
BHXH, BHYT & BHTN	107.657.287	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.169.747.968	26.925.110
Cộng	4.312.048.045	65.031.280

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.577.391.230	12.577.391.230	13.508.927.235	13.508.927.235
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.317.391.230	12.317.391.230	10.483.977.235	10.483.977.235
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.314.505.081	5.314.505.081	3.490.052.550	3.490.052.550
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	7.002.886.149	7.002.886.149	6.993.924.685	6.993.924.685
Vay dài hạn đến hạn trả	260.000.000	260.000.000	3.024.950.000	3.024.950.000
Cộng	12.577.391.230	12.577.391.230	13.508.927.235	13.508.927.235

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay chuyển từ dài hạn sang	Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tăng/giảm do CLTG phát sinh	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	3.024.950.000	-	-	-	(2.742.832.380)	(22.117.620)	260.000.000
Cộng	13.508.927.235	15.315.685.664	-	1.705.566	(16.226.809.615)	(22.117.620)	12.577.391.230

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Là của 2 Hợp đồng vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ và dây chuyền nghiền đá, với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	5.221.835.000	6.866.485.000
Cộng	5.221.835.000	6.866.485.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.866.485.000	3.669.229.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	4.453.117.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.612.290.650)	(235.000.000)
CLTG phát sinh trong thanh toán	(1.819.350)	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.221.750.000)
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	(30.540.000)	200.889.000
Số cuối kỳ	5.221.835.000	6.866.485.000

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	29.379.120	1.226.088.948	(864.800.000)	390.668.068
Quỹ khen thưởng BĐH		300.000.000	(300.000.000)	
Cộng	29.379.120	1.526.088.948	(1.164.800.000)	390.668.068

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	28.500.000.000	7.776.519.735	9.515.791.200	45.792.310.935
Lợi nhuận năm trước	-	-	12.260.889.479	12.260.889.479
Trích lập các quỹ năm trước	-	284.212.080	(1.535.791.200)	(1.251.579.120)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	8.060.731.815	12.260.889.479	48.821.621.294
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	8.060.731.815	12.260.889.479	48.821.621.294
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.426.367.013	6.426.367.013
Trích lập các quỹ	-	759.800.531	(2.285.889.479)	(1.526.088.948)
Chia cổ tức	-	-	(9.975.000.000)	(9.975.000.000)
Số dư cuối năm	28.500.000.000	8.820.532.346	6.426.367.013	43.746.899.359

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	<u>28.500.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã trích lập các quỹ và chi cổ tức từ lợi nhuận năm trước như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 9.975.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 759.800.531
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi,	: 1.226.088.948
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 300.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	56.300,28	14.286,19

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát Gia Nguyễn	487.648.930	487.648.930
Công ty Cổ phần Tập đoàn ATA	64.335.285	64.335.285
Công ty TNHH Hóa dược Hoàng An	240.536.227	240.536.227
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hà Bình	65.269.286	65.269.286
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	111.339.072
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh	24.889.524	24.889.524
Cộng	<u>1.534.208.186</u>	<u>1.534.208.186</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý II/2016</u>	<u>Quý II/2015</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	14.880.725.823	9.827.541.055
Doanh thu bán thành phẩm	27.162.233.767	28.542.922.133
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	128.488.636	100.239.045
Cộng	42.171.448.226	38.470.702.233
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.512.770.890	6.916.982.842
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15.828.917.623	15.275.370.839
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	61.620.505	34.458.565
Cộng	26.403.309.018	22.226.812.246
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.205.791	4.806.941
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.459.095	20.368.767
Cộng	5.664.886	25.175.708
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	235.075.843	143.395.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.642.906	25.085.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.013.957	113.363.501
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	246.732.706	281.844.367
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	95.160.800	102.679.600
Chi phí vật liệu, bao bì	286.445.284	329.662.200
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	83.720.357	555.129.684
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.257.602	8.655.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.461.378.349	10.597.260.942
Chi phí bằng tiền khác	655.558.856	366.788.893
Cộng	10.585.521.248	11.960.177.228
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.257.584.347	952.713.499
Chi phí vật liệu quản lý	77.489.714	82.620.339
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.789.389	39.764.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	83.517.768	61.420.566
Thuế, phí và lệ phí	-	3.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý II/2016</u>	<u>Quý II/2015</u>
Chi phí dự phòng	(75.000.000)	469.427.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.122.653	191.744.191
Chi phí bằng tiền khác	140.293.863	191.607.349
Cộng	<u>1.691.797.734</u>	<u>1.992.657.614</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Quý II/2016</u>	<u>Quý II/2015</u>
Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản	-	-
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	22.933.274	-
Thu nhập khác	-	15.000.000
Cộng	<u>22.933.274</u>	<u>15.000.000</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý II/2015</u>
Chi phí ủng hộ	3.000.000	-
Tiền phạt hành chính, các khoản thuế chậm nộp	15.974.323	230.130
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
Xử lý số dư công nợ nhỏ lẻ	90	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	<u>18.974.413</u>	<u>230.130</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Quý II/2016</u>	<u>Quý II/2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.086.681.452	1.933.278.163
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	(383.668.145)	(268.327.816)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.703.013.307	1.664.950.347
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>948</u>	<u>584</u>

(*) Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm: Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính 10% lợi nhuận sau thuế cộng số ước tính chi khen thưởng cho Ban điều hành.

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu Quý II năm 2015 giảm từ 678 VND xuống còn 584 VND.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý II/2016	Quý II/2015
Tiền lương	143.892.316	141.753.522
Phụ cấp	106.957.359	88.501.014
Cộng	250.849.675	230.254.536

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông nắm giữ 40% vốn

Công nợ với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế cuối kỳ như sau:

- Công nợ thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất còn phải trả:	522.499.998
- Cổ tức năm 2015 còn phải trả:	3.990.000.000
- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:	36.464.338
	4.548.964.336

Công nợ với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Kỳ này (Quý II/2016)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	35.027.316.159	7.144.132.067	42.171.448.226
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.027.316.159	7.144.132.067	42.171.448.226

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.955.964.962	1.750.968.340	5.706.933.302
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.216.113.076)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.490.820.226
Doanh thu hoạt động tài chính			5.664.886
Chi phí tài chính			(246.732.706)
Thu nhập khác			22.933.274
Chi phí khác			(18.974.413)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(167.029.815)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3.086.681.452
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(2.354.877.476)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			1.595.625.076
Kỳ trước (Quý II/2015)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.663.680.506	12.807.021.727	38.470.702.233
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.663.680.506	12.807.021.727	38.470.702.233
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.280.773.884	2.234.062.266	4.514.836.150
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.223.781.005)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.291.055.145
Doanh thu hoạt động tài chính			25.175.708
Chi phí tài chính			(281.844.367)
Thu nhập khác			15.000.000
Chi phí khác			(230.130)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(115.878.193)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.933.278.163
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(4.074.074.289)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	3.095.638.956
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:			
	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.207.196.397	1.937.033.465	22.144.229.862
Tài sản phân bổ cho bộ phận	49.871.920.258	10.171.820.848	60.043.741.106
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			9.348.192.690

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Tổng tài sản			91.536.163.658
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	147.683.250	147.683.250
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	19.614.177.283	4.000.485.571	23.614.662.854
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			24.026.918.195
Tổng nợ phải trả			47.789.264.299
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.290.228.689	1.396.569.600	22.686.798.289
Tài sản phân bổ cho bộ phận	43.621.217.617	15.356.299.821	58.977.517.438
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			8.597.496.508
Tổng tài sản			90.261.812.235
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	39.300.000	60.121.100	99.421.100
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	30.235.550.338	10.644.044.380	40.879.594.718
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			461.175.123
Tổng nợ phải trả			41.440.190.941

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn.
- Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Quý II/2016</u>	<u>Quý II/2015</u>
Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn	42.042.959.590	38.370.463.188
Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	128.488.636	100.239.045
Cộng	42.171.448.226	38.470.702.233

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.107.441.493	-	6.107.441.493
Phải thu khách hàng	22.078.017.800	739.824.125	22.817.841.925
Các khoản phải thu khác	60.598.981	-	60.598.981
Cộng	28.246.058.274	739.824.125	28.985.882.399
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.325.857.012	-	5.325.857.012
Phải thu khách hàng	22.545.586.227	889.824.125	23.435.410.352
Các khoản phải thu khác	40.383.981	-	40.383.981
Cộng	27.911.827.220	889.824.125	28.801.651.345

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	12.577.391.230	5.221.835.000	-	17.799.226.230
Phải trả người bán	20.458.013.475	-	-	20.458.013.475
Các khoản phải trả khác	4.986.079.012	-	-	4.986.079.012
Cộng	38.021.483.717	5.221.835.000	-	43.243.318.717
Số đầu năm				
Vay và nợ	13.508.927.235	6.866.485.000	-	20.375.412.235
Phải trả người bán	15.621.523.453	-	-	15.621.523.453

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Các khoản phải trả khác	223.567.511	-	-	223.567.511
Cộng	29.354.018.199	6.866.485.000	-	36.220.503.199

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.300,28	14.286,19
Phải thu khách hàng	86.979,00	62.208,00
Vay và nợ	(237.978,28)	(251.700,00)
Phải trả người bán	(104,00)	-
Các khoản phải trả khác	(1.539,76)	(2.576,46)
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(96.342,76)	(177.782,27)

Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chỉ liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(12.481.938.672)	(237.978,28)	(14.702.094.235)	(251.700,00)
Nợ phải trả thuần	(12.481.938.672)	(237.978,28)	(14.702.094.235)	(251.700,00)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.107.441.493	5.325.857.012	6.107.441.493	5.325.857.012
Phải thu khách hàng	22.817.841.925	23.435.410.352	22.144.229.862	22.686.798.289
Các khoản phải thu khác	60.598.981	40.383.981	60.598.981	40.383.981
Cộng	28.985.882.399	28.801.651.345	28.312.270.336	28.053.039.282
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	17.799.226.230	20.375.412.235	17.799.226.230	20.375.412.235
Phải trả người bán	20.458.013.475	15.621.523.453	20.458.013.475	15.621.523.453
Các khoản phải trả khác	4.986.079.012	223.567.511	4.986.079.012	223.567.511
Cộng	43.243.318.717	36.220.503.199	43.243.318.717	36.220.503.199

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ ngắn hạn.

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

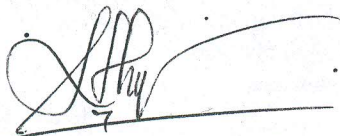
Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên